TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ M** TỈNH HƯNG YÊN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 33/2019/HSST
Ngày 24/6/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ M – TỈNH HƯNG YÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Tuấn Trọng;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Xuân Hùng và ông Trịnh Văn Khay.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Oanh - Cán bộ Toà án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Yến - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã M.

Ngày 24/6/2019, tại trụ sở, Toà án nhân dân thị xã M mở phiên toà công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 22/2019/HSST ngày 05/4/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2019/HSST - QĐ ngày 03/6/2019 và Thông báo thay đổi lịch xét xử số 04/TB - TA ngày 11/6/2019 đối với các bị cáo:

1. Đỗ Văn H, sinh năm 1988; tại xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên; Giới tính: Nam ;

Nơi cư trú: Thôn H, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Không;

Con ông Đỗ Văn Đ, sinh năm 1959 và bà Quách Thị P, sinh năm 1957;

Vợ, con: Chưa có;

Tiền sự: Không;

Tiền án: Ngày 28/12/2011, Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xử phạt 03 năm tù về tội Trộm cắp tài sản;

Nhân thân: Ngày 14/01/ 2004, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V Quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, thời hạn 02 năm;

Tạm giam từ ngày 19/12/2018; Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên; Có mặt.

2. Đỗ Văn D, sinh năm 1985; tại xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên; Giới tính: Nam;

Nơi cư trú: Thôn H, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Không;

Con ông Đỗ Văn D, sinh năm 1962 và bà Trịnh Thị D, sinh năm 1962;

Vợ, con: Chưa có;

Tiền sự: Không;

Tiền án: Ngày 28/12/2011, Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản;

Tạm giam từ ngày 08/3/2019; Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên; Có mặt.

Bị hại:

1. Anh Nguyễn Xuân Đ , sinh năm 1997; Trú tại: Xóm 3, xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An; Có mặt.

2. Anh Trần Quang Đ1, sinh năm 1984; Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện P, tỉnh Hưng Yên; Tạm trú: Tổ dân phố A, phường N, thị xã M, tỉnh Hưng Yên; Vắng mặt.

3. Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1981 (Đã chết) và chị Đào Thị H, sinh năm 1981 (là vợ của anh D); Trú tại: Tổ dân phố A, phường N, thị xã M, tỉnh Hưng Yên; Có mặt.

4. Anh Lương Anh T, sinh năm 1997; Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã T, huyện B, thành phố Hà Nội; Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Đỗ Văn T, sinh năm 1995; Trú tại: Thôn T, xã C, thị xã M, tỉnh Hưng Yên; Vắng mặt.

2. Anh Đỗ Văn Đ, sinh năm 1984; Trú tại: Thôn H, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên; Vắng mặt.

3. Công ty Tài chính TNHH Một thành viên Q; Địa chỉ: Lầu 15, Toà nhà C, 72 - 74 N, phường 6, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh; Do ông H, chức vụ: Giám đốc điều hành cấp cao bộ phận quản lý nhân sự là người đại diện theo uỷ quyền; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đỗ Văn H và Đỗ Văn D đều nghiện chất ma túy, do không có tiền tiêu sài nên tối ngày 17/12/2018 H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave sơn mầu trắng biển số đăng ký 89L1- 223.65 đến nhà D, rủ D đi trộm tài sản, D đồng ý. Sau đó D điều khiển xe mô tô nói trên chở H đi đến thôn B, xã B, huyện M, lúc này khoảng 3 giờ ngày 18/12/2018. H phát hiện cổng khu nhà trọ của ông Đào Văn T, sinh năm 1952 ở thôn B, xã B, huyện M, tỉnh Hưng Yên không khóa nên H bảo D đứng ngoài, còn H đi vào trong khu nhà trọ, dắt trộm chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại Exciter 150 cm^3 sơn màu đỏ đen biển số đăng ký 37N1- 244.08 của anh Nguyễn Xuân Đ , dựng xe ở ngoài cửa phòng trọ. Do bánh trước xe

khóa bằng chiếc khóa dây nhãn hiệu Việt Tiệp nên H không dắt được và đi ra gọi D vào để cùng H lôi chiếc xe ra ngoài. Sau khi lấy được chiếc xe của anh Đ ra ngoài đường thì chiếc khóa ở bánh trước xe bật ra nên H cầm chiếc khóa dây ném ra đường. Sau đó D ngồi lên xe của anh Đ , còn H điều khiển xe mô tô của H và dùng chân phải đẩy phía sau bên trái xe cho D. Cả hai đi ra đường Quốc lộ 5A chiều đường Hải Dương- Hà Nội, rồi đi lên cầu vượt để đi vào nghĩa trang thôn B, xã B. Tại đây H dùng tay rút rắc dây điện phía trước đầu xe để nổ máy, H điều khiển xe mô tô của anh Đ , còn D điều khiển xe mô tô của H. Trên đường về H dùng tay bẻ gương chiếu hậu và giá đỡ chân gương xe ném xuống rìa đường. Khi về đến khu vực Chùa thuộc thôn H, xã L, huyện V, D dùng tay bẻ biển số xe của anh Đ ném đi, sau đó D đi xe của H về nhà, còn H đi xe của anh Đ về nhà H. H lấy chiếc tô vít chọc vào ổ khóa Điện xe, mục đích để mở khóa Điện kiểm tra trong cốp xe nhưng do lẫy ổ khóa Điện bật vào nên H không mở được cốp xe. Đến sáng cùng ngày 18/12/2018 D mang xe mô tô đến trả H.

Cùng ngày 18/12/2018 anh Nguyễn Xuân Đ đã làm đơn trình báo Công an huyện M, qua thiết bị định vị chống trộm anh Đ gắn ở xe mô tô. Cơ quan điều tra đã triệu tập Đỗ Văn H đến làm việc, H tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra chiếc xe mô tô lấy trộm của anh Đ (xe không có biển số) và chiếc xe mô tô nhãn hiệu Hon da loại Wave sơn mầu trắng biển số đăng ký 89L1- 223.65.

Cơ quan điều tra đã tiến hành khám nghiệm hiện trường thu giữ tại đường phía trước cổng khu nhà trọ 01 chiếc khóa dây loại khóa Việt Tiệp màu đỏ.

Ngày 18/12/2018 cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Đỗ Văn H ở thôn H, xã L, huyện V. Kết quả không thu giữ được đồ vật, tài liệu gì.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 66/KL-ĐG ngày 18/12/2018 và Bản kết luận định giá tài sản số 02/KL-HĐ ngày 08/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện Mỹ Hào kết luận: Trị giá còn lại của chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại Exciter 150 cm^3, là 39.950.000 đồng; 01 ổ khóa dây loại khóa Việt Tiệp là 40.000 đồng; 01 gương chiếu hậu loại gương thời trang là 140.000 đồng, giá đỡ chân gương là 270.000 đồng, bộ định vị trị chống trộm là 1.600.000 đồng và ổ khóa Điện xe mô tô là 800.000 đồng

Cơ quan điều tra đã truy tìm gương chiếu hậu, giá đỡ chân gương và biển số xe của anh Đ nhưng không quản lý được.

Ngày 28/12/2018 anh Nguyễn Xuân Đ có đơn xin lại tài sản. Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Đ chiếc xe mô tô và chiếc khóa dây nêu trên, anh Đ nhận lại tài sản không có yêu cầu đề nghị gì và tự nguyện không yêu cầu các bị can phải bồi thường thiệt hại của chiếc gương, giá đỡ chân gương, chi phí cấp lại biển số đăng ký xe và sửa chữa ổ khóa điện.

Quá trình điều tra, cơ quan điều tra nhiều lần triệu tập Đỗ Văn D đến làm việc nhưng D không có mặt tại địa phương, bà Trịnh Thị D (là mẹ của D) đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra chiếc xe mô tô kiểu dáng giống xe Dream không có biển số đăng

ký có số khung LLCLXL30XY1921612 và số máy LC150FM01921612. Đến ngày 08/3/2019 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện M triệu tập được D đến làm việc, D tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra 01 chiếc Điện thoại di động nhãn hiệu vivo vỏ máy màu trắng bạc bên trong lắp 01 sim Điện thoại.

Ngày 08/3/2019 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện M tiến hành khám xét nơi ở của Đỗ Văn D ở thôn H, xã L, huyện V, kết quả không thu giữ được đồ vật, tài liệu gì.

Quá trình điều tra Đỗ Văn H và Đỗ Văn D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên, Ngoài ra H và D còn khai nhận cũng bằng cách thức nêu trên, trước đó H và D còn lấy trộm xe mô tô ở xã N, huyện M và huyện G, thành phố Hà Nội bán cho một đối tượng không rõ tên đệm chỉ biết tên là Q ở thị xã C, tỉnh Quang Ninh (là bạn quen biết của H khi H chấp hành án tại Trại giam Thanh Phong Cục C10, Bộ Công an) để lấy tiền chia nhau tiêu sài, hành vi của H và D cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Theo Đỗ Văn D khai nhận khoảng 0 giờ ngày 28/7/2018, D điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave sơn mầu trắng biển số đăng ký 89L1- 223.65 là xe của Hiệp, chở H đi đến khu nhà trọ Văn Minh của ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1960 ở Phố N, thị trấn B, huyện M, tỉnh Hưng Yên, D phát hiện thấy cổng khu nhà trọ không khóa nên D đỗ xe ở trước cửa khu nhà trọ để H đi vào lấy trộm chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Airblade sơn mầu trắng biển số đăng ký 29V1-089.39 của anh Lương Anh T, dựng xe ở ngoài cửa phòng trọ trong cốp xe anh T có để đăng ký xe mô tô nói trên. Sau khi H lấy được xe mô tô ra ngoài đường thì D ngồi lên xe của anh T, còn H đi xe của H và dùng chân đẩy phía sau xe cho D. Cả hai đi đến khu vực bờ mương thuộc thôn N, xã N, huyện M thì dừng lại, H dùng tay đấu nối dây điện phía trước đầu xe để nổ máy xe. Sau đó D tiếp tục đi xe của anh T về nhà D cất giấu. Đến sáng ngày 29/7/2018 D và H mang chiếc xe lấy của anh T xuống ngã ba ga Tiền Trung thuộc thành phố H, tỉnh Hải Dương, tại đây H đã bán chiếc xe cho Q và chia cho D số tiền 3.000.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 11/ KL-HĐ ngày 12/3/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện M kết luận: Giá trị còn lại của chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hon da loại Airblade sơn mầu trắng đăng ký biển số đăng ký 29V1- 089.39 là 15.000.000 đồng.

Quá trình điều tra Đỗ Văn H không thừa nhận cùng D lấy trộm cắp chiếc xe mô tô của anh T. Cơ quan điều tra đã tiến hành cho H và D đối chất nhưng H vẫn không thừa nhận.

Đến nay anh T yêu cầu các bị can phải bồi thường cho anh trị giá chiếc xe là 15.000.000 đồng, còn chí phí xin cấp lại đăng ký xe anh T tự nguyện không yêu cầu.

Vụ thứ hai: Khoảng 02 giờ ngày 11/11/2018, H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave sơn mầu trắng biển số đăng ký 89L1- 223.65 chở D đến nhà anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1981 ở thôn A, xã N, huyện M, tỉnh Hưng Yên. H quan sát thấy lán xe trong nhà anh D có dựng chiếc xe mô tô nhãn hiệu Hon da loại Airblade sơn mầu

đen bạc biển số đăng ký 89F1- 359.09. H và D đi vào trong nhà anh D lấy trộm chiếc xe dắt ra ngoài, D điều khiển xe lấy của anh D, còn H điều khiển xe 89L1-223.65 rồi dùng chân đẩy phía sau xe cho D, về nhà D cất giấu. Đến sáng ngày 12/11/2018, H gọi điện thoại cho Q đến nhà D, sau khi xem xe, Q dùng tay dứt dây điện ở phía trước đầu xe để nổ máy xe và kiểm tra thấy trong cốp xe có 01 chiếc mũ bảo hiểm và 01 chiếc áo mưa. Sau đó D, H và Q mang xe ra khu công nghiệp phố N A, thuộc xã L, huyện V bán chiếc xe cho Q được 10.000.000 đồng, H và D chia nhau mỗi người 5.000.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 02/KL-HĐ ngày 08/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện M kết luận: Giá trị còn lại của chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hon da loại Airblade sơn mầu đen bạc biển số đăng ký 89F1- 359.09 là 38.560.500 đồng, chiếc áo mưa, loại áo choàng là 80.000 đồng, chiếc mũ bảo hiểm nhãn hiệu Tân Á loại mũ nửa đầu là 50.000 đồng.

Đến nay do anh D đã chết (tháng 2/2019), chị Nguyễn Thị H (là vợ anh D) yêu cầu H và D phải bồi thường trị giá chiếc xe là 38.560.500 đồng. Còn chiếc trị giá chiếc áo mưa và chiếc mũ bảo hiểm chị H tự nguyện không yêu cầu các bị can phải bồi thường thiệt hại.

Vụ thứ ba: Rạng sáng ngày 04/12/2018 H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave sơn mầu trắng biển số đăng ký 89L1- 223.65 chở D đến khu nhà trọ của anh Chu Văn N, sinh năm 1983 ở thôn A, xã N, huyện M, tỉnh Hưng Yên. H quan sát thấy cổng nhà trọ không khóa nên H đi vào lấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại Exciter 150 cm^3 sơn mầu đen (không nắp biển số đăng ký) của anh Trần Quang Đ1 dựng xe ở trước cửa phòng trọ, sau đó D ngồi lên xe lấy của anh Đ, còn H điều khiển xe mô tô của H và dùng chân đẩy phía sau xe cho D để về nhà D. Đến sáng ngày 05/12/2018 H gọi điện thoại cho Q đến nhà D, sau đó H, Q và D mang chiếc xe ra khu công nghiệp Phố NA bán cho Q được 10.000.000 đồng chia nhau mỗi người 5.000.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định nguồn gốc chiếc xe nói trên là của anh Đỗ Văn T, chiếc xe có đăng ký biển số 89F1- 349.28, anh T cho anh Phan Văn T Anh, sinh năm 1996 ở cùng thôn mượn, sau đó anh T Anh vay tiền của anh Đ1và để lại chiếc xe cho anh Đ1 làm tin.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 02/KL-HĐ ngày 08/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện M kết luận: Giá trị còn lại của chiếc xe ô tô nhãn hiệu Yamaha loại Exciter 150 cm^3 đăng ký biển số 89F1- 349.28 là 39.950.000 đồng.

Đến nay anh Đ1 yêu cầu H và D bồi thường cho anh trị giá chiếc xe là 39.950.000 đồng.

Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo cơ quan điều tra thu giữ của D, quá trình điều tra điều tra xác định D sử dụng chiếc điện thoại vào việc phạm tội. Còn chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia của H, H khai đã làm rơi, chiếc tô vít H

dùng để cậy ổ khóa điện xe của anh Đ , H đã ném vào thùng rác nên không quản lý được.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave sơn mầu trắng, biển số đăng ký 89L1- 223.65, quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của anh Đỗ Văn Đ (là anh trai của H), anh Đ giao xe cho ông Đỗ Văn Đ (là bố đẻ của anh Đ và H) dùng để đưa đón con cho anh Đ đi học. Ông Đ và anh Đ không biết H sử dụng chiếc xe vào việc phạm tội, đồng thời anh Đ đề nghị được xin lại chiếc xe.

Đối với đối tượng tên Q, H và D khai bán xe cho Q, qua xác minh, Trại giam Thanh Phong cung cấp không có phạm nhân tên Q chấp hành án và ra trại trước H; Tra cứu số điện thoại H khai là của Q, xác định chủ đăng ký thuê bao là Công ty trách nhiệm hữu hạn thiết kế Mỹ Thuật và Quảng cáo T có địa chỉ tổ 3, khu 6 phường C, thị xã C, tỉnh Quang Ninh. Đại diện công ty là ông Lê Văn T, xác định từ trước đến nay công ty không đăng ký số điện thoại trên, nhân viên của công ty không có ai tên là Qnên chưa có căn cứ xác định được đối tượng Q. Mặt khác hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có của Q xảy ra tại huyện V nên cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện M đã có công văn thông báo đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V để xử lý và giải quyết theo thẩm quyền.

Đối với hành vi D khai bán chiếc xe mô tô lấy trộm của anh T cho Q ở ngã ba ga Tiền Trung thuộc thành phố H, tỉnh Hải Dương. Xét thấy hành vi tiêu thụ sài sản do người khác phạm tội mà có của Q xảy ra ở thành phố H nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện M đã có công văn thông báo đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố H để xử lý và giải quyết theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra Đỗ Văn H và Đỗ Văn D đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên. Ngoài ra H và D khai nhận vào khoảng tháng 8/2018 H và D còn trộm cắp được 01 chiếc xe mô tô kiểu dáng Dream (chính là chiếc xe D cất giấu ở nhà và bà Trịnh Thị D đã giao nộp cho cơ quan điều tra) của anh Cao Huy T, sinh năm 1972 có hộ khẩu thường trú thôn P, xã P, huyện G, thành phố Hà Nội. Ngoài ra D còn khai nhận đầu tháng 11/2018 D cùng H lấy trộm 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Dream sơn mầu nâu biển số đăng ký 29N1- 317.43 của anh Thân Văn M, sinh năm 1981 có hộ khẩu thường trú ở số nhà 1081 phố K, thị trấn T, huyện G. Tuy nhiên H không thừa nhận cùng D lấy trộm chiếc xe của anh M. Xét thấy hành vi trộm cắp tài sản của H và D xảy ra tại huyện G, thành phố Hà Nội nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện M đã có công văn thông báo đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện G, thành phố Hà Nội để xử lý giải quyết theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra xác định Đỗ Văn H và Đỗ Văn D nhiều lần phạm tội, không có nghề nghiệp, là đối tượng nghiện chất ma túy, sống phụ thuộc gia đình, mục đích lấy trộm tài sản bán lấy tiền tiêu sài, mua ma túy sử dụng và chơi điện tử, các bị cáo không sử dụng kết quả tài sản trộm cắp làm nguồn sống chính.

Tại bản Cáo trạng số 22/CT - VKSMH ngày 04/4/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M truy tố các bị cáo Đỗ Văn H và Đỗ Văn D về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 BLHS.

Tại phiên toà:

+ Các bị cáo H và D khai nhận đã cùng nhau lấy trộm tài sản là xe mô tô của anh Đ , vợ chồng chị H và anh Đ. Về hành vi lấy trộm xe mô tô của anh Lương Anh T tại khu nhà trọ Văn Minh thuộc thôn V, thị trấn B, huyện M, tỉnh Hưng Yên, D xác định H tham gia lấy cùng bị cáo, nhưng H khẳng định không lấy chiếc xe này; D tự nguyện bồi thường giá trị tài sản theo yêu cầu của bị hại. Mục đích các bị cáo lấy trộm tài sản để bán lấy tiền mua ma tuý và chi tiêu cá nhân, không lấy tài sản trộm cắp làm nguồn sống chính.

+ Bị hại là anh Nguyễn Xuân Đ đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự hai bị cáo theo quy định của pháp luật, anh không yêu cầu các bị cáo bồi thường thêm.

+ Bị hại là chị Đào Thị H đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự hai bị cáo theo quy định của pháp luật, chị yêu cầu các bị cáo bồi thường cho chị giá trị chiếc xe mô tô bị mất theo kết luận của Hội đồng định giá;

+ Bị hại là anh Lương Anh T đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo D và chỉ yêu cầu bị cáo bồi thường 1/2 giá trị chiếc xe bị mất theo kết luận của Hội đồng định giá là 7.500.000 đồng.

+ Người làm chứng là ông Đỗ Văn Đvà bà Trịnh Thị D khẳng định các bị cáo vẫn ăn uống, sinh hoạt cùng gia đình, ông bà thỉnh thoảng vẫn cho các bị cáo tiền để chi tiêu cá nhân.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã M giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị: Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm r, s khoản 1 (thêm khoản 2 đối với D) Điều 51; khoản 1 Điều 17, Điều 58; khoản 1 Điều 38; điểm a, b khoản 1 Điều 46; điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 47; Điều 48 BLHS; điểm a khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106; khoản 1, 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 BLTTHS; các Điều 584, 585, 586, 587, 589, 357, 468 BLDS; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Xử phạt: Bị cáo Đỗ Văn H 04 năm 03 tháng tù - 04 năm 09 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 19/12/2018;

Xử phạt: Bị cáo Đỗ Văn D 03 năm 09 tháng tù - 04 năm 03 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 08/3/2019;

Buộc các bị cáo Đỗ Văn H và Đỗ Văn D có trách nhiệm liên đới bồi thường cho chị Đào Thị H số tiền 38.560.500 đồng, chia phần mỗi bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho chị H số tiền 19.280.250 đồng;

Buộc các bị cáo Đỗ Văn H và Đỗ Văn D có trách nhiệm liên đới bồi thường cho anh Đỗ Văn T số tiền 39.950.000 đồng, chia phần mỗi bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho anh T số tiền 19.975.000 đồng;

Buộc bị cáo Đỗ Văn D có trách nhiệm bồi thường cho anh Lương Anh T số tiền 7.500.000 đồng;

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu ViVo vỏ máy màu trắng bạc; tịch thu cho tiêu huỷ 01 chiếc sim điện thoại có số thuê bao 0984302837 lắp trong chiếc điện thoại trên;

Trả lại cho anh Đỗ Văn Đ 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Wave sơn màu trắng có BKS 89L1 - 223.65;

Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự . Quá trình điều tra và tại phiên tòa , bị cáo và nh ững người tham gia tố tụng khác, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi , quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng , người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên toà phù hợp với nhau và phù hợp với chính lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như phù hợp khách quan với lời khai của các bị hại là anh Nguyễn Xuân Đ , anh Nguyễn Văn D và vợ là chị Đào Thị H, anh Trần Quang Đ, anh Lương Anh T, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Đỗ Văn T, các biên bản cùng bản ảnh chỉ dẫn của H và D đến địa điểm các bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, các biên bản khám nghiệm cùng sơ đồ và bản ảnh hiện trường, tài sản các bị cáo chiếm đoạt đã thu giữ là chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại Exciter BKS 37N1 - 244.08 cùng một số vật chứng có liên quan khác, các kết luận giám định. Như vậy, đã có đủ cơ sở xác định: Trong khoảng thời gian từ tháng 7 đến tháng 12 năm 2018, trên địa bàn huyện M (nay là thị xã M), Đỗ Văn H cùng với Đỗ Văn D thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản là các xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại Exciter BKS 37N1 - 244.08 có giá trị 39.950.000 đồng cùng bộ định vị có giá trị 1.600.000 đồng, khoá dây có giá trị 40.000 đồng, ổ khoá điện có giá trị 800.000 đồng, gương chiếu hậu có giá trị 140.000 đồng và giá đỡ chân gương có giá trị 270.000 đồng thuộc sở hữu của anh Nguyễn Xuân Đ ; xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Airblade BKS 89L1 - 223.65 thuộc sở hữu của vợ chồng chị Đào Thị H có giá trị 38.560.500 đồng cùng chiếc mũ bảo hiểm có giá trị 50.000 đồng và chiếc áo mưa có giá trị 80.000 đồng để trong cốp

xe; xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại Exciter BKS 89F1 - 349.28 thuộc quyền quản lý của anh Trần Quang Đ1có giá trị 39.950.000 đồng. Tổng giá trị tài sản Đỗ Văn D đồng phạm với Đỗ Văn H chiếm đoạt là 120.640.500 đồng. Ngoài ra, Đỗ Văn D còn chiếm đoạt chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Airblade BKS 29V1 - 089.39 thuộc quyền quản lý của anh Lương Anh T có giá trị 15.000.000 đồng. Hành vi của các bị cáo lợi dụng đêm tối, dùng xe mô tô chở nhau đi lòng vòng, quan sát thấy chủ tài sản sơ hở trong việc quản lý tài sản thì vào lấy rồi đem bán lấy tiền chia nhau đã thoả mãn đầy đủ dấu hiệu cấu thành tội Trộm cắp tài sản. Do tài sản các bị cáo chiếm đoạt có giá trị trên 50 triệu đồng nhưng chưa đến 200 triệu đồng, nên Viện kiểm sát nhân dân huyện M (nay là Viện kiểm sát nhân dân thị xã M) truy tố các bị cáo Đỗ Văn H và Đỗ Văn D về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 BLHS là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Đánh giá vai trò của các bị cáo thì thấy, trong ba vụ trộm cắp xe mô tô có đồng phạm thì H giữ vai trò chính, là người khởi xướng, rủ D tham gia, bị cáo sử dụng xe mô tô của anh trai để cùng D đi lòng vòng tìm tài sản, là người đầu tiên tiếp cận và mang tài sản ra ngoài để cùng D đưa về nơi cất giấu, liên hệ và trực tiếp giao dịch, bán tài sản chiếm đoạt; D là người thực hành cùng với H lấy trộm tài sản của anh Đ và anh Đ, còn lại gúp sức cho H mang tài sản chiếm đoạt về nhà của mình cất giấu.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm tới quyền sở hữu của công dân được pháp luật bảo vệ. Trong khoảng thời gian vài tháng, các bị cáo đã liên tiếp thực hiện nhiều vụ trộm cắp tài sản là xe mô tô trên địa bàn huyện M, tỉnh Hưng Yên cũng như trên địa bàn thành phố Hà Nội, thể hiện sự liều lĩnh, ý thức coi thường pháp luật của các bị cáo. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây tâm lý hoang mang, lo lắng cho đông đảo người dân sinh sống tại các địa phương nói trên, bị nhân dân lên án mạnh mẽ. Các bị cáo đều có nhân thân không tốt, tuổi tuy còn trẻ nhưng đã bị kết án về hành vi chiếm đoạt tài sản, song không lấy đó làm bài học để sửa chữa, rèn luyện, tích cực lao động, tạo lập việc làm ổn định tạo ra thu nhập hợp pháp cho bản thân và gia đình mà tiếp tục tụ tập nhau lại, liên tiếp thực hiện nhiều vụ trộm cắp tài sản tại nhiều địa phương, cho nên cần áp dụng hình phạt nghiêm minh, phù hợp với đặc điểm nhân thân, tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội và tiếp tục cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian, nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo ý thức tuân thủ pháp luật và phòng ngừa tội phạm chung.

[5] Tài sản các bị cáo chiếm đoạt đều có giá trị trên 2.000.000 đồng, nên các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS; các bị cáo đều đã bị kết án, chưa được xoá án tích, nay lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, nên hai bị cáo còn chịu thêm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS.

[6] Trong giai đoạn điều tra, ngoài việc khai báo thành khẩn về hành vi chiếm đoạt chiếc xe mô tô của anh Đ , bị cáo H còn tự khai ra hành vi của mình với D chiếm đoạt xe mô tô của vợ chồng chị H và xe mô tô của anh Điện; bị cáo D tự khai ra hành vi chiếm đoạt xe mô tô của anh T, nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là người phạm tội tự thú và người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại các điểm r, s khoản 1 Điều 51 BLHS; tại phiên toà bị hại là anh T đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, nên D được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS, để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

[7] Các bị cáo không có nghề nghiệp, sống phụ thuộc gia đình, không có tài sản riêng, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[8] Tài sản các bị cáo chiếm đoạt của anh Đ đã được thu hồi trả lại bị hại, anh Đ không yêu cầu bồi thường thêm, nên trách nhiệm dân sự đối với anh Đ không đặt ra giải quyết; bị hại là chị H yêu cầu các bị cáo bồi thường giá trị chiếc xe mô tô bị chiếm đoạt là 38.560.500 đồng, bị hại là anh Đ1yêu cầu các bị cáo bồi thường cho anh giá trị chiếc xe mô tô bị chiếm đoạt là 39.950.000 đồng, nhưng tại Đơn đề nghị, anh Đ1đã tự nguyện chuyển giao quyền yêu cầu bồi thường cho anh T là chủ sở hữu tài sản, là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, nên buộc các bị cáo có trách nhiệm liên đới bồi thường cho chị H và anh T, chia phần mỗi bị cáo có trách nhiệm bồi thường 1/2 giá trị tài sản chiếm đoạt; đối với hành vi chiếm đoạt xe mô tô của anh T, do chưa đủ căn cứ chứng minh có đồng phạm cùng với D, nên buộc D có trách nhiệm bồi thường giá trị tài sản theo yêu cầu của anh T tại phiên toà là 7.500.000 đồng.

[9] Vật chứng và biện pháp tư pháp: Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu ViVo là tài sản thuộc sở hữu của bị cáo D, được D sử dụng làm phương tiện phạm tội, nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước (riêng chiếc sim điện thoại thì tịch thu cho tiêu huỷ). Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Hon da loại Wave BKS 89L1 - 223.65 là tài sản hợp pháp của anh Đỗ Văn Đ, anh Đ không có lỗi trong việc bị cáo H sử dụng tài sản làm phương tiện phạm tội, nên trả lại chiếc xe này cho anh Đ.

[9] Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Đỗ Văn H và Đỗ Văn D phạm tội Trộm cắp tài sản;

2. Căn cứ: Điểm c khoản 2 Điều 173; điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm r, s khoản 1 (thêm khoản 2 đối với D) Điều 51; khoản 1 Điều 17, Điều 58; khoản 1 Điều 38; điểm a, b khoản 1 Điều 46; điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 47; Điều 48 BLHS; điểm a khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106; khoản 1, 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 BLTTHS; các Điều 584, 585, 586, 587, 589, 357, 468 BLDS; Nghị quyết số 326

ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

3. Xử phạt: Bị cáo Đỗ Văn H 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 19/12/2018;

4. Xử phạt: Bị cáo Đỗ Văn D 04 (Bốn) năm 03 (Ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 08/3/2019;

5. Buộc các bị cáo Đỗ Văn H và Đỗ Văn D có trách nhiệm liên đới bồi thường cho chị Đào Thị H, sinh năm 1981; Trú tại: Tổ dân phố A, phường N, thị xã M, tỉnh Hưng Yên số tiền 38.560.500 đồng (Ba mươi tám triệu năm trăm sáu mươi nghìn năm trăm đồng), chia phần mỗi bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho chị H số tiền 19.280.250 đồng (Mười chín triệu hai trăm tám mươi nghìn hai trăm năm mươi đồng);

6. Buộc các bị cáo Đỗ Văn H và Đỗ Văn D có trách nhiệm liên đới bồi thường cho anh Đỗ Văn T, sinh năm 1995; Trú tại: Thôn T, xã C, thị xã M, tỉnh Hưng Yên số tiền 39.950.000 đồng (Ba mươi chín triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng), chia phần mỗi bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho anh Trưởng số tiền 19.975.000 đồng (Mười chín triệu chín trăm bẩy mươi năm nghìn đồng);

7. Buộc bị cáo Đỗ Văn D có trách nhiệm bồi thường cho anh Lương Anh T, sinh năm 1997; Trú tại: Thôn T, xã T, huyện B, thành phố Hà Nội số tiền 7.500.000 đồng (Bẩy triệu năm trăm nghìn đồng);

8. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án hợp pháp cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS tương ứng với thời gian chưa thi hành án;

9. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự;

10. Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu ViVo vỏ máy màu trắng bạc; tịch thu cho tiêu huỷ 01 chiếc sim điện thoại có số thuê bao 0984302837 lắp trong chiếc điện thoại trên;

11. Trả lại cho anh Đỗ Văn Đ, sinh năm 1984; Trú tại: Thôn H, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Wave sơn màu trắng có BKS 89L1 - 223.65;

12. Buộc Đỗ Văn H và Đỗ Văn D, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm;

13. Buộc bị cáo Đỗ Văn H phải chịu 1.962.000 đồng (Một triệu chín trăm sáu mươi hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm;

14. Buộc bị cáo Đỗ Văn D phải chịu 2.337.000 đồng (Hai triệu ba trăm ba mươi bẩy nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm;

15. Các bị cáo, bị hại và đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; các bị hại và đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND thị xã M;
- CQĐT, THA Hình sự thị xã M;
- THA Dân sự thị xã M;
- Bị cáo; Đương sự;
- Lưu VP;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Hoàng Tuấn Trọng